

UBND QUẬN GÒ VẤP TRƯỜNG THCS AN NHƠN ĐỀ CHÍNH THỨC (Đề gồm có 07 trang)	ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KỲ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022 - MÔN TOÁN - LỚP 8 Ngày kiểm tra: Thứ Sáu, ngày 21/01/2022 Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề) (Học sinh làm bài trên Phiếu trả lời trắc nghiệm Toán 8)
---	--

MÃ ĐỀ BÀI T802

Câu 1. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Đường trung bình của tam giác là

- A. Đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác.
- B. Đoạn thẳng có độ dài bằng nửa độ dài một cạnh của tam giác.
- C. Đoạn thẳng nối từ đỉnh của tam giác đến trung điểm của cạnh đối diện.
- D. Đoạn thẳng song song với một cạnh của tam giác.

Câu 2. Kết quả của phép tính $\frac{5x}{5x-3} - \frac{3}{5x-3}$ bằng:

- A. 1
- B. -1
- C. $\frac{2x}{5x-3}$
- D. $\frac{2}{5x-3}$

Câu 3. Tứ giác nào sau đây có hai đường chéo bằng nhau?

- A. Hình bình hành
- B. Hình chữ nhật
- C. Hình thoi
- D. Hình thang vuông

Câu 4. Rút gọn phân thức $\frac{3(x-3)}{9(x-3)^3}$ có kết quả là:

- A. $\frac{3}{9(x-3)^2}$
- B. $\frac{1}{3(x-3)}$
- C. $\frac{x-3}{3(x-3)^3}$
- D. $\frac{1}{3(x-3)^2}$

Câu 5. Khẳng định nào sau đây SAI.

- A. Trong hình bình hành, hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.
- B. Trong hình bình hành các góc đối bằng nhau.
- C. Trong hình bình hành các cạnh đối bằng nhau.
- D. Trong hình bình hành hai đường chéo bằng nhau.

Câu 6. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống.

“Trong tam giác vuông, đường trung tuyến ứng với cạnh huyền bằng

- A. Nửa cạnh góc vuông.
- B. Hai lần cạnh huyền.
- C. Cạnh huyền.
- D. Nửa cạnh huyền.

Câu 7. Mẫu thức chung của hai phân thức $\frac{1}{3(x+2)}$ và $\frac{7}{5(x-3)}$ là:

- A. $15(2x-1)$
- B. $15(x+2)(x-3)$
- C. $8x-9$
- D. $8(x+2)(x-3)$

Câu 8. Điền vào chỗ trống đơn thức còn thiếu $(x+4)^2 = x^2 + + 16$

- A. $4x$
- B. x
- C. $2x$
- D. $8x$

Câu 9. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ (.....). “Hình thang cân là hình thang có.....”

- A. hai góc kề một đáy bằng nhau.
- B. hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.
- C. hai góc đối bằng nhau.
- D. hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 10. Điền vào chỗ (.....). “Tổng các góc của một tứ giác bằng

A. 300°

B. 270°

C. 360°

D. 180°

Câu 11. Điền cặp từ thích hợp vào chỗ trống (.....): “Đường trung bình của hình thang thì với hai đáy và tổng hai đáy.”

A. Vuông góc, bằng.

B. Song song, bằng.

C. Vuông góc, bằng nửa.

D. Song song, bằng nửa.

Câu 12. Kết quả của phép tính $\frac{2x}{2x-3} + \frac{3}{2x-3}$ bằng:

A. $\frac{2x+3}{2x-3}$

B. -1

C. $\frac{5x}{2x-3}$

D. 1

Câu 13. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Hình bình hành có là hình chữ nhật.”

A. Hai cạnh đối song song và bằng nhau.

B. Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

C. Một góc vuông.

D. Có hai đường chéo vuông góc với nhau.

Câu 14. Chọn câu SAI.

A. $A^2 - B^2 = (A - B)^2$

B. $(A + B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$

C. $A^2 - B^2 = (A - B)(A + B)$

D. $(A - B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$

Câu 15. Trong các hình sau, hình nào là đa giác đều:

A. Hình vuông

B. Hình thang cân

C. Hình thoi

D. Hình chữ nhật

Câu 16. Kết quả của phép tính nhân : $3x(x - 2)$ là:

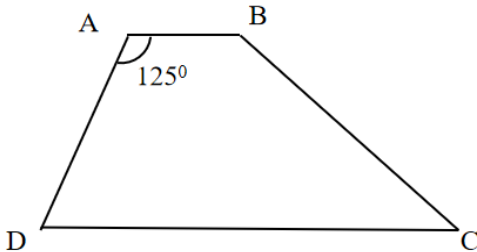
A. $3x - 6$

B. $3x^2 - 2x$

C. $3x^2 - 5$

D. $3x^2 - 6x$

Câu 17. Cho hình thang ABCD (AB // CD), biết $\widehat{DAB} = 125^\circ$, số đo $\widehat{ADC}$ bằng:



A. 125°

B. 65°

C. 55°

D. 75°

Câu 18. Phân tích đa thức $3x^3 + 15x$ thành nhân tử được kết quả là:

A. $3(x^3 + 5x)$

B. $3x(x^2 + 5)$

C. $3x(x + 5)$

D. $x(3x^2 + 15)$

Câu 19. Khẳng định nào sau đây là SAI.

A. Trong hình thoi hai đường chéo bằng nhau.

B. Trong hình thoi hai đường chéo vuông góc với nhau.

C. Trong hình thoi hai đường chéo là các tia phân giác của các góc của hình thoi.

D. Trong hình thoi hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 20. Khẳng định nào sau đây ĐÚNG.

A. Hình vuông là tứ giác có bốn góc vuông và bốn cạnh bằng nhau.

B. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau là hình vuông.

C. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau là hình vuông.

D. Tứ giác có bốn góc bằng nhau là hình vuông.

Câu 21. “Quy đồng mẫu thức nhiều phân thức là biến đổi các phân thức đã cho thành những phân thức mới có cùng và lần lượt bằng các phân thức đã cho.”. Cụm từ thích hợp điền vào chỗ (.....) là:

- A. Phần biến. B. Nhân tử phụ. C. Mẫu thức. D. Hệ số.

Câu 22. Phân tích đa thức $x^3 - 6x^2 + 12x - 8$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $(x + 2)^3$ B. $(x-2)^3$ C. $x^3 - 2^3$ D. $x^3 + 2^3$

Câu 23. Điền vào chỗ trống (.....).

“Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau là”

- A. Hình thang cân. B. Hình chữ nhật. C. Hình vuông. D. Hình thoi.

Câu 24. Phân tích đa thức $2x(x - 5) + 5(x - 5)$ thành nhân tử được kết quả là:

- A. $(x-5)(2x + 5)$ B. $(x-5)(2x - 5)$ C. $(x+5)(2x + 5)$ D. $(x+5)(2x - 5)$

Câu 25. Kết quả của phép chia $18x^3y^4z^2 : 6x^2y^4z$ là:

- A. $3x^2y^2z$ B. $3xy$ C. $3xyz$ D. $3xz$

Câu 26. Kết quả của phép tính $\frac{x}{x^2 - 4} + \frac{2}{x^2 - 4}$ bằng:

- A. $\frac{1}{x-2}$ B. $\frac{1}{x+2}$ C. $\frac{2x}{x^2 - 4}$ D. $\frac{x+2}{x-2}$

Câu 27. Giá trị của biểu thức $P = (2x - 3)(2x + 3) - 3x^2$ tại $x = 4$ là:

- A. 16 B. 7 C. 9 D. 4

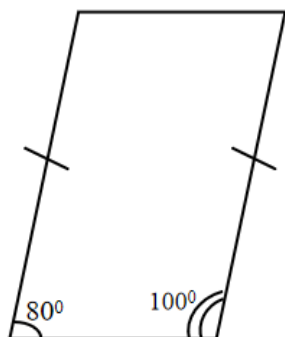
Câu 28. Kết quả của phép tính $\frac{x-2}{x-y} + \frac{y-2}{y-x}$ bằng

- A. $\frac{x+y}{x-y}$ B. $\frac{x+y-4}{x-y}$ C. -1 D. 1

Câu 29. Mẫu thức chung của hai phân thức $\frac{1}{2x+6}$ và $\frac{7}{x^2-9}$ là:

- A. $2x(x^2 - 9)$ B. $(x + 3)(x^2 - 9)$ C. $2(x + 3)(x - 9)$ D. $2(x + 3)(x - 3)$

Câu 30. Tứ giác (như hình vẽ) là hình bình hành dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



- A. Tứ giác có các cạnh đối song song.
B. Tứ giác có hai cạnh đối bằng nhau.
C. Tứ giác có hai góc kề một đáy bù nhau.
D. Tứ giác có hai cạnh đối vừa song song vừa bằng nhau.

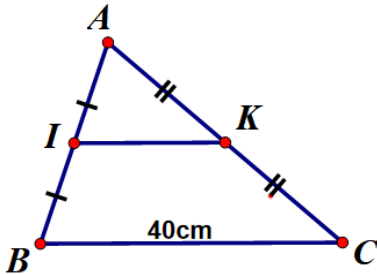
Câu 31. Kết quả của phép chia $(8x^3 - 1) : (2x - 1)$ là:

- A. $4x^2 - 2x + 1$ B. $2x^2 - 2x + 1$ C. $4x^2 + 2x + 1$ D. $2x^2 + x + 1$

Câu 32. Chọn câu đúng:

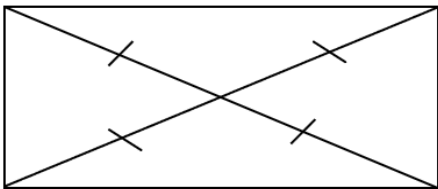
- A. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a - 1$ B. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a - 1$
C. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 + 6a + 1$ D. $(2a - 1)^3 = 8a^3 - 12a^2 - 6a + 1$

Câu 33. Cho hình vẽ sau, biết độ dài BC bằng 40 cm, độ dài IK bằng



- A. 80cm B. 10cm C. 40 cm D. 20cm

Câu 34. Tứ giác (như hình vẽ) là hình chữ nhật dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?

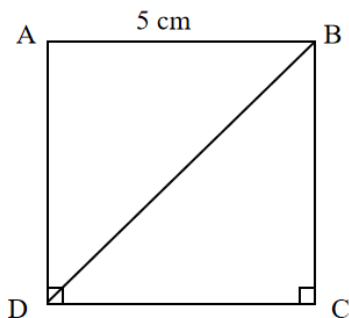


- A. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường
B. Hình bình hành có một góc vuông
C. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau
D. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau

Câu 35. Kết quả của phép tính $\frac{5}{4xy^2} + \frac{3}{2x^3y}$ bằng:

- A. $\frac{5x + 6y}{4x^3y^2}$ B. $\frac{8}{4x^3y^2}$ C. $\frac{5 + 6y}{4x^3y^2}$ D. $\frac{5x^2 + 6y}{4x^3y^2}$

Câu 36. Cho hình vuông ABCD (như hình vẽ), biết độ dài cạnh hình vuông bằng 5 cm, độ dài đường chéo BD bằng:



- A. 20cm B. 25cm C. $\sqrt{50}$ cm D. 10cm

Câu 37. Tìm x , biết $2x^2 - 8x = 0$

A. $x = 4$

B. $x = 0$

C. $x = 0$ hay $x = 4$

D. $x = 0$ hay $x = -4$

Câu 38. Phân thức rút gọn của $\frac{3x-6}{x^3-8}$ là:

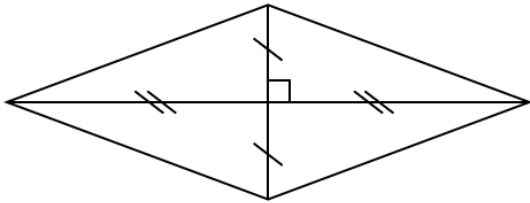
A. $\frac{3}{x^2+4x+4}$

B. $\frac{3}{x^2-2x+4}$

C. $\frac{3}{x^2+2x+4}$

D. $\frac{3}{x^2-4x+4}$

Câu 39. Tứ giác (như hình vẽ) là hình thoi dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



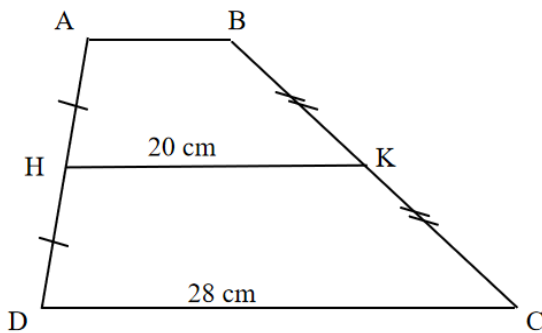
A. Hình bình hành có hai đường chéo bằng nhau.

B. Hình bình hành có hai đường chéo vuông góc với nhau.

C. Tứ giác có hai đường chéo vuông góc với nhau.

D. Tứ giác có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường.

Câu 40. Cho hình thang ABCD ($AB \parallel CD$) như hình vẽ, biết độ dài HK bằng 20 cm, độ dài DC bằng 28 cm. Độ dài AB bằng:



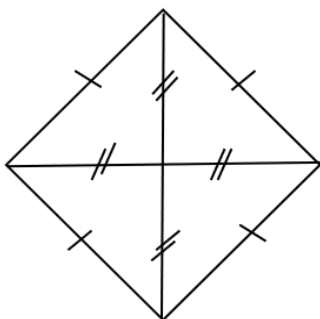
A. 12 cm

B. 14 cm

C. 8 cm

D. 10 cm

Câu 41. Tứ giác (như hình vẽ) là hình vuông dựa vào dấu hiệu nhận biết nào dưới đây?



A. Hình thoi có hai đường chéo bằng nhau.

B. Hình thoi có hai đường chéo vuông góc với nhau.

C. Tứ giác có hai đường chéo bằng nhau.

D. Tứ giác có bốn cạnh bằng nhau.

Câu 42. Phân tích đa thức sau thành nhân tử: $x^3 + 2x^2y + xy^2$

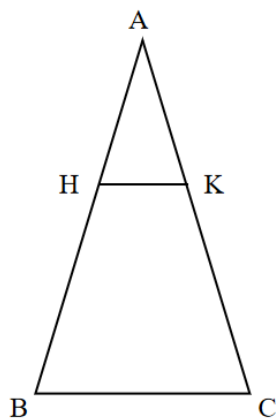
A. $x^2(x+2y+y^2)$

B. $x(x-y)^2$

C. $x^2(x+y)^2$

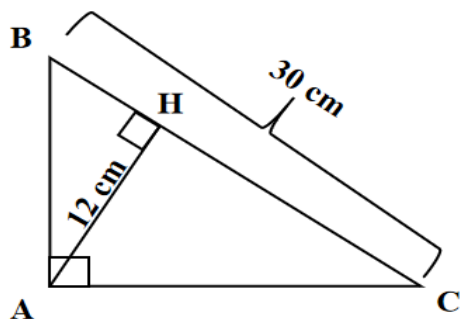
D. $x(x+y)^2$

Câu 43. Cho tam giác ABC cân tại A. Gọi H, K theo thứ tự là điểm thuộc cạnh bên AB, AC sao cho $HK \parallel BC$. Với đầy đủ điều kiện trên, hãy chọn câu trả lời chính xác nhất.



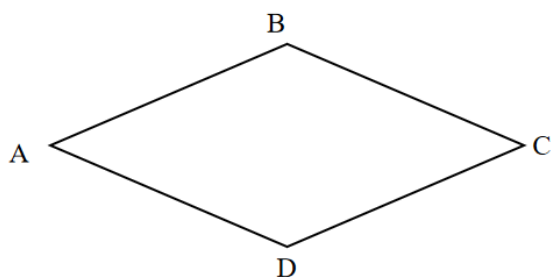
- A.** Tứ giác BCKH là hình thang cân.
B. Tứ giác BCKH là hình thang.
C. Tứ giác BCKH là hình bình hành.
D. Tứ giác BCKH là hình thoi.

Câu 44. Cho hình vẽ, diện tích của tam giác ABC bằng:



- A.** 120cm^2 **B.** 180cm^2 **C.** 360cm^2 **D.** 200cm^2

Câu 45. Hình thoi ABCD cần thêm điều kiện nào để là hình vuông?

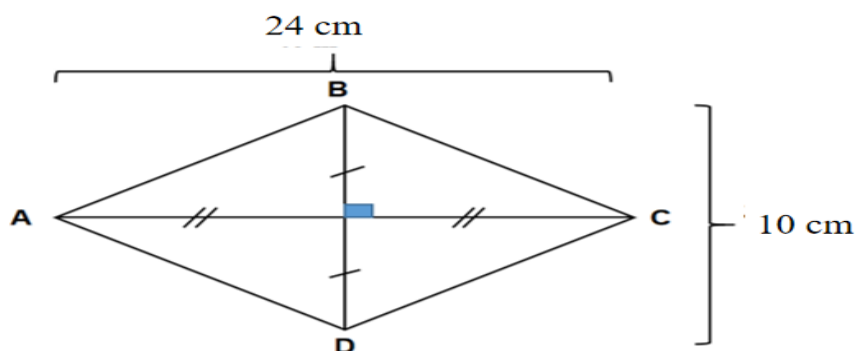


- A.** $AB = AD$
B. AC vuông góc với BD
C. AC là tia phân giác góc DAB
D. $\hat{A} = 90^\circ$

Câu 46. Một hình chữ nhật có hai kích thước lần lượt là $(x - 3)$ (m) và $(x + 3)$ (m), ($x > 3$). Biết diện tích của hình chữ nhật là 16 (m^2). Giá trị của x là:

- A.** 25 **B.** -5 **C.** 5 và -5 **D.** 5

Câu 47. Một viên gạch men có dạng hình thoi (như hình vẽ), biết độ dài hai đường chéo AC bằng 24cm và BD bằng 10cm. Độ dài cạnh của viên gạch men hình thoi bằng:

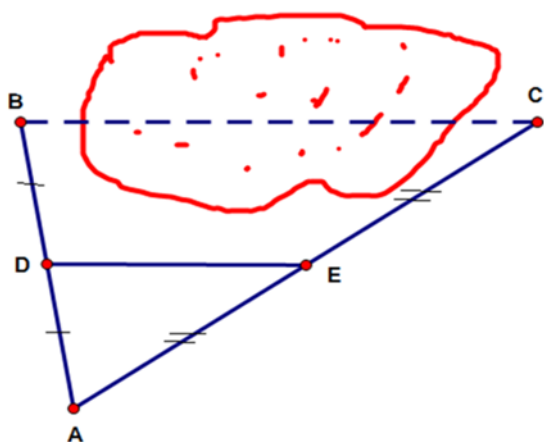


- A. 13 cm. B. 34 cm. C. 17 cm. D. 26 cm.

Câu 48. Một khu vườn hình chữ nhật có chiều rộng là $x(m)$, ($x > 0$), chiều dài hơn chiều rộng 12m. Biểu thức tính diện tích của khu vườn hình chữ nhật theo x là:

- A. $x^2 + 12x (m^2)$ B. $x^2 - 12x(m^2)$ C. $12x(m^2)$ D. $12x^2 (m^2)$

Câu 49. Giữa hai điểm B và C có chướng ngại vật. Biết D, E lần lượt là trung điểm của AB và AC (xem hình vẽ). Bạn An đi từ D đến E với vận tốc 80 m/phút trong thời gian 2 phút. Hỏi hai điểm B và C cách nhau bao nhiêu mét?



- A. 320m B. 40m C. 160m D. 80m

Câu 50. Một khinh khí cầu bay với vận tốc $(x+8)$ (km/h) được quãng đường là $(x^2 + 5x - 24)$ (km). Thời gian khinh khí cầu bay được là:

- A. $x + 8 (h)$ B. $x + 3 (h)$ C. $x - 8 (h)$ D. $x - 3 (h)$

----- HẾT -----